**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ D16KDN**
**TÊN MÔN : NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
**MÃ MÔN : STA271 * SỐ TC : 2**

**HỌC KỲ : 1**
**LẦN THI : 1**

Thời gian : 15h00 - 28/11/2010

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gởi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.**

**1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
**2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
**3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP | | | | | | | | | ĐIỂM TỔNG KẾT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | A | P | Q | H | L | M | I | G | F | | |
| | | | | | 10 | | 10 | | 10 | 15 | | | 55 | SỐ | CHỮ |
| 1 | **152321883** | Phan Văn | Tiến | D15KDNB1 | 8 | | 8 | | 8 | 6 | | | 9.0 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 2 | **152321899** | Nguyễn Thanh | Luân | D15KDNB1 | 6 | | 5 | | 8 | 6 | | | 9.0 | **7.8** | Bảy phẩy Tám |
| 3 | **152321884** | Huỳnh Thị Bích | Trâm | D15KDNB2 | 8 | | 6 | | 8 | 6 | | | 8.5 | **7.8** | Bảy phẩy Tám |
| 4 | **152321885** | Nguyễn Bá | An | D16KDN1 | 6 | | 6.5 | | 7 | 6.5 | | | 9.0 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 5 | **169311692** | Đinh Thị Minh | Châu | D16KDN1 | 8 | | 6.5 | | 8 | 6 | | | 7.5 | **7.3** | Bảy phẩy Ba |
| 6 | **169311719** | Nguyễn Thị Thùy | Linh | D16KDN1 | 8 | | 6.5 | | 8 | 6 | | | 7.5 | **7.3** | Bảy phẩy Ba |
| 7 | **169321770** | Phạm Thị Thuận | Ánh | D16KDN1 | 7 | | 6 | | 8 | 6.5 | | | 9.0 | **8.0** | Tám |
| 8 | **169321772** | Trần Thị | Ba | D16KDN1 | 8 | | 6 | | 8 | 7.5 | | | 6.5 | **6.9** | Sáu phẩy Chín |
| 9 | **169321773** | Đoàn Ngọc | Bảo | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 7.5 | 7 | | | 9.0 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 10 | **169321777** | Trần Thị Kim | Chung | D16KDN1 | 7 | | 6.5 | | 7 | 8.5 | | | 6.0 | **6.6** | Sáu phẩy Sáu |
| 11 | **169321782** | Trần Thị Ngọc | Diệp | D16KDN1 | 9 | | 8 | | 8 | 8 | | | 10 | **9.2** | Chín phẩy Hai |
| 12 | **169321786** | Nguyễn Tuấn | Dương | D16KDN1 | 6 | | 6 | | 7 | 7 | | | 8.0 | **7.4** | Bảy phẩy Bốn |
| 13 | **169321788** | Nguyễn Thị Thùy | Duyên | D16KDN1 | 8 | | 6.5 | | 8 | 7 | | | 9.5 | **8.5** | Tám phẩy Năm |
| 14 | **169321789** | Dương Lệ | Duyên | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 8 | 6.5 | | | 8.0 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 15 | **169321796** | Nguyễn Thái Đoan | Hạ | D16KDN1 | 6 | | 5.5 | | 8 | 5.5 | | | 9.0 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 16 | **169321797** | Nguyễn Đức | Hải | D16KDN1 | 8.5 | | 5 | | 5 | 7 | | | 8.5 | **7.6** | Bảy phẩy Sáu |
| 17 | **169321799** | Lê Thị | Hằng | D16KDN1 | 8 | | 6 | | 7.5 | 7 | | | 9.0 | **8.2** | Tám phẩy Hai |
| 18 | **169321802** | Ông Văn | Hậu | D16KDN1 | 4 | | 4 | | 7.5 | 6 | | | 7.0 | **6.3** | Sáu phẩy Ba |
| 19 | **169321805** | Trần Thị | Hiền | D16KDN1 | 10 | | 9 | | 8 | 8.5 | | | 7.5 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 20 | **169321808** | Huỳnh Tấn | Hiếu | D16KDN1 | 7 | | 6.5 | | 7 | 7 | | | 9.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 21 | **169321811** | Nguyễn Thị Thu | Hoài | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 7.5 | 7 | | | 6.5 | **6.9** | Sáu phẩy Chín |
| 22 | **169321814** | Võ Thị Mai | Hồng | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 8 | 7 | | | 7.0 | **7.2** | Bảy phẩy Hai |
| 23 | **169321816** | Dương Văn | Hùng | D16KDN1 | 8 | | 6.5 | | 8 | 6 | | | 6.5 | **6.7** | Sáu phẩy Bảy |
| 24 | **169321817** | Lê Quang | Hùng | D16KDN1 | 9.5 | | 10 | | 8 | 9 | | | 9.5 | **9.3** | Chín phẩy Ba |
| 25 | **169321821** | Dương Thị Thanh | Huyền | D16KDN1 | 8.5 | | 7 | | 8 | 6.5 | | | 10 | **8.8** | Tám phẩy Tám |
| 26 | **169321825** | Huỳnh Lê Anh | Khoa | D16KDN1 | 6 | | 6 | | 8 | 6.5 | | | 9.5 | **8.2** | Tám phẩy Hai |
| 27 | **169321828** | Nguyễn Thị Hương | Lan | D16KDN1 | 8 | | 5 | | 7 | 8.5 | | | 9.5 | **8.5** | Tám phẩy Năm |
| 28 | **169321834** | Thái Thị Kim | Liên | D16KDN1 | 7 | | 6.5 | | 8 | 7 | | | 10 | **8.7** | Tám phẩy Bảy |
| 29 | **169321841** | Trần Ngọc Ngân | Loan | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 7.5 | 7 | | | 7.0 | **7.2** | Bảy phẩy Hai |
| 30 | **169321850** | Nguyễn Sỹ | Mạnh | D16KDN1 | 5 | | 5 | | 7 | 6.5 | | | 7.0 | **6.5** | Sáu phẩy Năm |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ D16KDN**
**TÊN MÔN : NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
**MÃ MÔN : STA271 * SỐ TC : 2**

**HỌC KỲ : 1**
**LẦN THI : 1**

Thời gian : 15h00 - 28/11/2010

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gởi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.**

**1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
**2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
**3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP | | | | | | | | | ĐIỂM TỔNG KẾT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | A | P | Q | H | L | M | I | G | F | | |
| | | | | | 10 | | 10 | | 10 | 15 | | | 55 | SỐ | CHỮ |
| 31 | **169321851** | Trần Thị Thanh | Miên | D16KDN1 | 8 | | 6.5 | | 8 | 6 | | | 9.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 32 | **169321854** | Võ Thị Hoàng | Minh | D16KDN1 | 7 | | 7 | | 8 | 6 | | | 5.5 | **6.1** | Sáu phẩy Một |
| 33 | **169321857** | Phạm Lê | Na | D16KDN1 | 8.5 | | 8 | | 7 | 9 | | | 6.5 | **7.3** | Bảy phẩy Ba |
| 34 | **169321861** | Trần Thị Ái | Ngân | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 7 | 7 | | | 8.5 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 35 | **169321862** | Trần Lê | Ngọc | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 7.5 | 7.5 | | | 5.5 | **6.4** | Sáu phẩy Bốn |
| 36 | **169321871** | Nguyễn Thị Hồng | Nhung | D16KDN1 | 8 | | 7.5 | | 7 | 7.5 | | | 8.0 | **7.8** | Bảy phẩy Tám |
| 37 | **169321876** | Trần Thị Mỹ | Phúc | D16KDN1 | 7.5 | | 7 | | 7.5 | 6.5 | | | 7.5 | **7.3** | Bảy phẩy Ba |
| 38 | **169321881** | Trương Thị Thiện | Quyên | D16KDN1 | 8.5 | | 7.5 | | 7 | 9 | | | 8.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 39 | **169321889** | Cao Thị | Tân | D16KDN1 | 8 | | 4 | | 8 | 7.5 | | | 7.5 | **7.3** | Bảy phẩy Ba |
| 40 | **169321894** | Phan Quang | Thành | D16KDN1 | 8.5 | | 6.5 | | 8 | 9.5 | | | 7.0 | **7.6** | Bảy phẩy Sáu |
| 41 | **169321897** | Nguyễn Thị | Thảo | D16KDN1 | 8 | | 4 | | 7 | 4 | | | 6.0 | **5.8** | Năm phẩy Tám |
| 42 | **169321901** | Phạm Thị | Thọ | D16KDN1 | 8 | | 6 | | 8 | 6.5 | | | 6.5 | **6.8** | Sáu phẩy Tám |
| 43 | **169321904** | Lê Thị Hồng | Thoại | D16KDN1 | 7 | | 6 | | 7.5 | 6.5 | | | 5.0 | **5.8** | Năm phẩy Tám |
| 44 | **169321907** | Lê Văn Minh | Thuần | D16KDN1 | 6 | | 4 | | 7 | 9.5 | | | 7.0 | **7.0** | Bảy |
| 45 | **169321911** | Trần Thị | Thúy | D16KDN1 | 7.5 | | 6.5 | | 7 | 8.5 | | | 5.5 | **6.4** | Sáu phẩy Bốn |
| 46 | **169321913** | Huỳnh Thị | Thúy | D16KDN1 | 7 | | 6.5 | | 7.5 | 6 | | | V | **V** | Vắng |
| 47 | **169321918** | Nguyễn Thị Như | Thủy | D16KDN1 | 9 | | 6 | | 8 | 7 | | | 9.0 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 48 | **169321921** | Trịnh Trần Yên | Trang | D16KDN1 | 8.5 | | 7.5 | | 7 | 9.5 | | | 8.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 49 | **169321927** | Phan Thị Ánh | Tuyết | D16KDN1 | 7.5 | | 7 | | 7.5 | 9.5 | | | 9.0 | **8.6** | Tám phẩy Sáu |
| 50 | **169321931** | Lê Hoài | Vân | D16KDN1 | 7 | | 7 | | 7.5 | 7 | | | 8.5 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 51 | **169321933** | Lê | Vang | D16KDN1 | 8 | | 7 | | 7 | 9.5 | | | 8.0 | **8.0** | Tám |
| 52 | **169321934** | Phan Hoàng Khánh | Vi | D16KDN1 | 7 | | 6.5 | | 8 | 5.5 | | | 8.5 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 53 | **169321937** | Phan Văn | Vũ | D16KDN1 | 5 | | 5 | | 5 | 5 | | | 8.5 | **6.9** | Sáu phẩy Chín |
| 54 | **169321940** | Nguyễn Trần Thảo | Vy | D16KDN1 | 7 | | 6.5 | | 5 | 5 | | | V | **V** | Vắng |
| 55 | **169321942** | Phạm Thị Thanh | Xuân | D16KDN1 | 7 | | 6 | | 7.5 | 6.5 | | | 5.5 | **6.1** | Sáu phẩy Một |
| 56 | **169321946** | Nguyễn Thị Như | Ý | D16KDN1 | 8.5 | | 6.5 | | 8 | 7 | | | 9.5 | **8.6** | Tám phẩy Sáu |
| 57 | **152321862** | Phan Văn | Nghị | D16KDN2 | 7 | | 6.5 | | 5 | 9.5 | | | 3.0 | **0.0** | Không |
| 58 | **152321887** | Nguyễn Văn | Toàn | D16KDN2 | 7 | | 7.5 | | 5 | 7.5 | | | 7.0 | **6.9** | Sáu phẩy Chín |
| 59 | **169321766** | Hoàng Thị Ngọc | Anh | D16KDN2 | 8 | | 8 | | 7 | 9 | | | 9.5 | **8.9** | Tám phẩy Chín |
| 60 | **169321771** | H-Dương | Ayun | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 8 | 7 | | | 5.5 | **6.3** | Sáu phẩy Ba |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ D16KDN**
**TÊN MÔN : NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
**MÃ MÔN : STA271 * SỐ TC : 2**

**HỌC KỲ : 1**
**LẦN THI : 1**

Thời gian : 15h00 - 28/11/2010

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gởi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.**

**1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
**2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
**3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP | | | | | | | | | ĐIỂM TỔNG KẾT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | A | P | Q | H | L | M | I | G | F | | |
| | | | | | 10 | | 10 | | 10 | 15 | | | 55 | SỐ | CHỮ |
| 61 | **169321774** | Trần Thị Cẩm | Châu | D16KDN2 | 5 | | 4.5 | | 7.5 | 8.5 | | | 7.0 | **6.8** | Sáu phẩy Tám |
| 62 | **169321779** | Bùi Thị | Đào | D16KDN2 | 8 | | 4 | | 7.5 | 4 | | | 4.5 | **5.0** | Năm |
| 63 | **169321783** | Lữ Thị Thùy | Dung | D16KDN2 | 8 | | 6.5 | | 8 | 6.5 | | | 7.5 | **7.4** | Bảy phẩy Bốn |
| 64 | **169321787** | Nguyễn Huy | Dương | D16KDN2 | 8 | | 7 | | 7.5 | 7 | | | 5.0 | **6.1** | Sáu phẩy Một |
| 65 | **169321790** | Nguyễn Thị Tịnh | Giang | D16KDN2 | 8.5 | | 6 | | 7.5 | 7 | | | 5.5 | **6.3** | Sáu phẩy Ba |
| 66 | **169321791** | Phạm Huỳnh Thu | Giang | D16KDN2 | 7 | | 6 | | 5 | 5 | | | V | **V** | Vắng |
| 67 | **169321795** | Huỳnh Thị Đông | Hà | D16KDN2 | 6 | | 7 | | 8 | 8 | | | 3.5 | **0.0** | Không |
| 68 | **169321800** | Nguyễn Thị Ngọc | Hằng | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 7.5 | 7 | | | 5.5 | **6.2** | Sáu phẩy Hai |
| 69 | **169321803** | Nguyễn Thị | Hiền | D16KDN2 | 8.5 | | 7.5 | | 7 | 9.5 | | | 6.0 | **7.0** | Bảy |
| 70 | **169321804** | Nguyễn Thị Ngọc | Hiền | D16KDN2 | 8 | | 6.5 | | 7.5 | 7 | | | 9.0 | **8.2** | Tám phẩy Hai |
| 71 | **169321806** | Lê Thị Kim | Hiệp | D16KDN2 | 7 | | 6 | | 7 | 7.5 | | | 5.5 | **6.2** | Sáu phẩy Hai |
| 72 | **169321809** | Nguyễn Văn | Hiếu | D16KDN2 | 0 | | 0 | | 0 | 0 | | | V | **V** | Vắng |
| 73 | **169321813** | Nguyễn Thị Ánh | Hồng | D16KDN2 | 8.5 | | 7.5 | | 8 | 7.5 | | | 7.5 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 74 | **169321815** | Từ Thị | Huế | D16KDN2 | 8.5 | | 6 | | 7.5 | 6 | | | 9.5 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 75 | **169321818** | Mạc Thị Diễm | Hương | D16KDN2 | 7 | | 6.5 | | 7 | 8 | | | 7.0 | **7.1** | Bảy phẩy Một |
| 76 | **169321820** | Nguyễn Ngọc Thanh | Huyền | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 7.5 | 7 | | | 6.5 | **6.8** | Sáu phẩy Tám |
| 77 | **169321823** | Trần Thị | Huyền | D16KDN2 | 8.5 | | 6 | | 7.5 | 7 | | | 8.0 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 78 | **169321826** | Nguyễn Thị Thúy | Kiều | D16KDN2 | 9 | | 7 | | 7 | 7.5 | | | 6.5 | **7.0** | Bảy |
| 79 | **169321827** | Hồ Thị | Lài | D16KDN2 | 9 | | 6.5 | | 8 | 7 | | | 9.5 | **8.6** | Tám phẩy Sáu |
| 80 | **169321829** | Ngô Thị Mỹ | Liên | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 7 | 9.5 | | | 5.5 | **6.6** | Sáu phẩy Sáu |
| 81 | **169321837** | Hồ Thị Thùy | Linh | D16KDN2 | 8 | | 8 | | 8 | 7.5 | | | 7.5 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 82 | **169321838** | Trà Thị Khánh | Linh | D16KDN2 | 10 | | 5 | | 7 | 8.5 | | | 10 | **9.0** | Chín |
| 83 | **169321843** | Trương Thị Ly | Ly | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 8 | 7.5 | | | 9.5 | **8.6** | Tám phẩy Sáu |
| 84 | **169321848** | Phan Thị Tuyết | Mai | D16KDN2 | 8 | | 6.5 | | 7.5 | 7 | | | 7.5 | **7.4** | Bảy phẩy Bốn |
| 85 | **169321852** | Nguyễn Thiị Ngọc | Minh | D16KDN2 | 9 | | 6 | | 7 | 8.5 | | | 9.5 | **8.7** | Tám phẩy Bảy |
| 86 | **169321865** | Nguyễn Thị Ánh | Nguyệt | D16KDN2 | 8 | | 7 | | 7.5 | 9.5 | | | 6.0 | **7.0** | Bảy |
| 87 | **169321866** | Nguyễn Thị Ánh | Nguyệt | D16KDN2 | 7 | | 6 | | 7.5 | 6.5 | | | 2.0 | **0.0** | Không |
| 88 | **169321868** | Trần Thị | Nhung | D16KDN2 | 9.5 | | 8 | | 8 | 8.5 | | | 9.5 | **9.1** | Chín phẩy Một |
| 89 | **169321874** | Trần Thanh | Phong | D16KDN2 | 8 | | 7 | | 8 | 7 | | | 8.5 | **8.0** | Tám |
| 90 | **169321877** | Nguyễn Thị | Phương | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 7 | 8.5 | | | 5.0 | **6.1** | Sáu phẩy Một |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ D16KDN**
**TÊN MÔN : NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
**MÃ MÔN : STA271 * SỐ TC : 2**

**HỌC KỲ : 1**
**LẦN THI : 1**

Thời gian : 15h00 - 28/11/2010

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gởi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.**

**1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
**2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
**3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP | | | | | | | | | ĐIỂM TỔNG KẾT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | A | P | Q | H | L | M | I | G | F | | |
| | | | | | 10 | | 10 | | 10 | 15 | | | 55 | SỐ | CHỮ |
| 91 | **169321880** | Huỳnh Thanh | Quang | D16KDN2 | 8 | | 8 | | 7.5 | 7 | | | 5.5 | **6.4** | Sáu phẩy Bốn |
| 92 | **169321888** | Nguyễn Thị | Tâm | D16KDN2 | 8 | | 8 | | 8 | 8 | | | 8.5 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 93 | **169321895** | Phan Thị | Thành | D16KDN2 | 7 | | 6.5 | | 8 | 7.5 | | | 4.0 | **5.5** | Năm phẩy Năm |
| 94 | **169321899** | Phạm Thị | Thí | D16KDN2 | 0 | | 0 | | 0 | 0 | | | V | **V** | Vắng |
| 95 | **169321903** | Đinh Thị Kim | Thoa | D16KDN2 | 8 | | 5 | | 7.5 | 9.5 | | | 8.5 | **8.2** | Tám phẩy Hai |
| 96 | **169321906** | Nguyễn Thị Anh | Thư | D16KDN2 | 8 | | 7 | | 7.5 | 6 | | | 9.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 97 | **169321912** | Lương Thị Phương | Thúy | D16KDN2 | 8.5 | | 7 | | 8 | 7.5 | | | 9.5 | **8.7** | Tám phẩy Bảy |
| 98 | **169321915** | Phùng Thị Thanh | Thùy | D16KDN2 | 8.5 | | 6.5 | | 7 | 9.5 | | | 9.0 | **8.6** | Tám phẩy Sáu |
| 99 | **169321917** | Phan Minh | Thủy | D16KDN2 | 6 | | 6 | | 8 | 6.5 | | | 8.5 | **7.7** | Bảy phẩy Bảy |
| 100 | **169321925** | Hoàng Bảo | Trung | D16KDN2 | 6 | | 7 | | 7.5 | 6.5 | | | 5.0 | **5.8** | Năm phẩy Tám |
| 101 | **169321928** | Nguyễn Thị Mơ | Ước | D16KDN2 | 8 | | 6.5 | | 7.5 | 6.5 | | | 5.5 | **6.2** | Sáu phẩy Hai |
| 102 | **169321932** | Phan Thị Cẩm | Vân | D16KDN2 | 8.5 | | 7 | | 7.5 | 9.5 | | | 6.0 | **7.0** | Bảy |
| 103 | **169321935** | Trần Thị | Viễn | D16KDN2 | 8.5 | | 7 | | 8 | 7.5 | | | 6.5 | **7.1** | Bảy phẩy Một |
| 104 | **169321938** | Nguyễn Đức | Vượng | D16KDN2 | 6 | | 4 | | 7 | 9.5 | | | 4.0 | **5.3** | Năm phẩy Ba |
| 105 | **169321943** | Võ Thị | Xuân | D16KDN2 | 8 | | 6.5 | | 8 | 7 | | | 5.5 | **6.3** | Sáu phẩy Ba |
| 106 | **169321949** | Nguyễn Thị Hải | Yến | D16KDN2 | 8 | | 6 | | 5 | 6 | | | 6.5 | **6.4** | Sáu phẩy Bốn |
| 107 | **169311698** | Nguyễn Thị Thùy | Dung | D16KDN3 | 8.5 | | 9.5 | | 7 | 7.5 | | | 5.0 | **6.4** | Sáu phẩy Bốn |
| 108 | **169321768** | Võ Thị Kim | Anh | D16KDN3 | 7 | | 7 | | 9 | 4 | | | 8.5 | **7.6** | Bảy phẩy Sáu |
| 109 | **169321769** | Trần Thị Kim | Anh | D16KDN3 | 8.5 | | 7 | | 9 | 7.5 | | | 9.5 | **8.8** | Tám phẩy Tám |
| 110 | **169321776** | Nguyễn Công | Chính | D16KDN3 | 8 | | 9 | | 9 | 9.5 | | | 8.5 | **8.7** | Tám phẩy Bảy |
| 111 | **169321780** | Nguyễn Thị | Diễm | D16KDN3 | 8 | | 6 | | 7 | 6 | | | 9.5 | **8.2** | Tám phẩy Hai |
| 112 | **169321785** | Lý Thùy | Dung | D16KDN3 | 8 | | 6 | | 7 | 8 | | | 5.5 | **6.3** | Sáu phẩy Ba |
| 113 | **169321793** | Phan Thị Thu | Hà | D16KDN3 | 7 | | 6 | | 7 | 6.5 | | | 9.0 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 114 | **169321798** | Võ Ngọc | Hân | D16KDN3 | 8.5 | | 9.5 | | 7 | 9.5 | | | 10 | **9.4** | Chín phẩy Bốn |
| 115 | **169321807** | Nguyễn Thị Ánh | Hiệp | D16KDN3 | 9 | | 8.5 | | 7 | 8.5 | | | 9.0 | **8.7** | Tám phẩy Bảy |
| 116 | **169321810** | Dương Thị Thu | Hòa | D16KDN3 | 8 | | 9 | | 8 | 7.5 | | | 5.0 | **6.4** | Sáu phẩy Bốn |
| 117 | **169321812** | Phan Thị | Hồng | D16KDN3 | 8 | | 8.5 | | 7 | 9.5 | | | 2.0 | **0.0** | Không |
| 118 | **169321831** | Nguyễn Trọng Hồng | Liên | D16KDN3 | 7 | | 9 | | 9 | 9.5 | | | 9.0 | **8.9** | Tám phẩy Chín |
| 119 | **169321836** | Nguyễn Thị Tú | Linh | D16KDN3 | 8 | | 9 | | 8 | 0 | | | V | **V** | Vắng |
| 120 | **169321839** | Nguyễn Thị Mỹ | Linh | D16KDN3 | 8 | | 6.5 | | 7 | 7 | | | 4.5 | **5.7** | Năm phẩy Bảy |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ D16KDN**
**TÊN MÔN : NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
**MÃ MÔN : STA271 * SỐ TC : 2**

**HỌC KỲ : 1**
**LẦN THI : 1**

Thời gian : 15h00 - 28/11/2010

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gởi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.**

**1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
**2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
**3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP | | | | | | | | | ĐIỂM TỔNG KẾT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | A | P | Q | H | L | M | I | G | F | | |
| | | | | | 10 | | 10 | | 10 | 15 | | | 55 | SỐ | CHỮ |
| 121 | **169321840** | Phan Thị Hồng | Lĩnh | D16KDN3 | 10 | | 9.5 | | 7 | 8 | | | 6.0 | **7.2** | Bảy phẩy Hai |
| 122 | **169321842** | Trần Thị Hồng | Loan | D16KDN3 | 8 | | 9.5 | | 8 | 8 | | | 8.5 | **8.4** | Tám phẩy Bốn |
| 123 | **169321845** | Lê Hồ Thị | Lyna | D16KDN3 | 7 | | 5.5 | | 8 | 6 | | | 9.0 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 124 | **169321853** | Trần Thị | Minh | D16KDN3 | 8.5 | | 9 | | 7 | 7 | | | 4.5 | **6.0** | Sáu |
| 125 | **169321855** | Nguyễn Thị | My | D16KDN3 | 6 | | 7.5 | | 9 | 9.5 | | | 5.5 | **6.7** | Sáu phẩy Bảy |
| 126 | **169321856** | Tạ Thị Trà | My | D16KDN3 | 7 | | 9 | | 7 | 6.5 | | | 7.0 | **7.1** | Bảy phẩy Một |
| 127 | **169321859** | Huỳnh Thị | Ngân | D16KDN3 | 0 | | 0 | | 0 | 0 | | | V | **V** | Vắng |
| 128 | **169321860** | Huỳnh Thị Bảo | Ngân | D16KDN3 | 5 | | 6.5 | | 8 | 6 | | | 6.0 | **6.2** | Sáu phẩy Hai |
| 129 | **169321863** | Nguyễn Thị Bích | Ngọc | D16KDN3 | 8 | | 9.5 | | 7 | 9.5 | | | 8.0 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 130 | **169321864** | Bùi Thị Minh | Nguyên | D16KDN3 | 8 | | 9 | | 7 | 7.5 | | | 10 | **9.0** | Chín |
| 131 | **169321867** | Thân Thị Hồng | Nhiên | D16KDN3 | 8 | | 7.5 | | 7 | 5.5 | | | 10 | **8.6** | Tám phẩy Sáu |
| 132 | **169321869** | Trương Thùy | Nhung | D16KDN3 | 7 | | 8 | | 8 | 6 | | | 10 | **8.7** | Tám phẩy Bảy |
| 133 | **169321870** | Nguyễn Thị Cẩm | Nhung | D16KDN3 | 9.5 | | 8.5 | | 8 | 8.5 | | | 7.5 | **8.0** | Tám |
| 134 | **169321875** | Lê Thị Ngọc | Phú | D16KDN3 | 7 | | 5 | | 8 | 6 | | | 8.0 | **7.3** | Bảy phẩy Ba |
| 135 | **169321879** | Cao Nguyễn Xuân | Phương | D16KDN3 | 4 | | 2 | | 9 | 9.5 | | | 7.5 | **7.1** | Bảy phẩy Một |
| 136 | **169321883** | Vũ Na | Sa | D16KDN3 | 7 | | 9 | | 9 | 8 | | | 9.5 | **8.9** | Tám phẩy Chín |
| 137 | **169321885** | Mai Thị Thu | Sương | D16KDN3 | 8.5 | | 8.5 | | 8 | 9.5 | | | 9.5 | **9.2** | Chín phẩy Hai |
| 138 | **169321887** | Trần Thanh | Tâm | D16KDN3 | 9.5 | | 9 | | 8 | 7.5 | | | 9.5 | **9.0** | Chín |
| 139 | **169321890** | Nguyễn Thị | Tân | D16KDN3 | 9 | | 8 | | 7 | 6 | | | 6.5 | **6.9** | Sáu phẩy Chín |
| 140 | **169321900** | Trần Quang | Thiện | D16KDN3 | 6 | | 4 | | 8 | 9.5 | | | 8.0 | **7.6** | Bảy phẩy Sáu |
| 141 | **169321902** | Trần Thị Kim | Thoa | D16KDN3 | 4 | | 8.5 | | 9 | 9.5 | | | 9.5 | **8.8** | Tám phẩy Tám |
| 142 | **169321905** | Nguyễn Thị Quỳnh | Thu | D16KDN3 | 7 | | 8 | | 8 | 6.5 | | | 10 | **8.8** | Tám phẩy Tám |
| 143 | **169321909** | Nguyễn Thị | Thương | D16KDN3 | 8 | | 6 | | 8 | 6 | | | 9.5 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 144 | **169321914** | Nguyễn Ngọc | Thúy | D16KDN3 | 7 | | 8.5 | | 8 | 6.5 | | | 10 | **8.8** | Tám phẩy Tám |
| 145 | **169321916** | Nguyễn Xuân | thủy | D16KDN3 | 7 | | 3 | | 9 | 4 | | | 3.0 | **0.0** | Không |
| 146 | **169321919** | Nguyễn Diệp | Trà | D16KDN3 | 8 | | 4 | | 9 | 8.5 | | | 6.5 | **7.0** | Bảy |
| 147 | **169321926** | Nguyễn Ngọc | Tuấn | D16KDN3 | 7 | | 4 | | 8 | 7 | | | 3.5 | **0.0** | Không |
| 148 | **169321930** | Võ Thị Hồng | Vân | D16KDN3 | 6 | | 8 | | 7 | 4 | | | 4.5 | **5.2** | Năm phẩy Hai |
| 149 | **169321936** | Nguyễn Quốc | Việt | D16KDN3 | 3 | | 8 | | 8 | 9.5 | | | 9.0 | **8.3** | Tám phẩy Ba |
| 150 | **169321939** | Nguyễn Thị Hoàng | Vy | D16KDN3 | 10 | | 9.5 | | 7 | 9 | | | 10 | **9.5** | Chín phẩy Năm |

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

**BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KQHT CỦA HỌC PHẦN * KHOÁ D16KDN**
**TÊN MÔN : NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ**
**MÃ MÔN : STA271 * SỐ TC : 2**

**HỌC KỲ : 1**
**LẦN THI : 1**

Thời gian : 15h00 - 28/11/2010

**Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gởi email : khanhdtq@duytan.edu.vn để điều chỉnh.**

**1. Các bạn đăng ký xem bảng điểm cá nhân qua địa chỉ email ở trên.**
**2. Nếu muốn kiểm tra lại bài thi các bạn đến Khoa viết đơn xin xem lại bài thi.**
**3. Bảng điểm cá nhân có dấu đỏ các bạn phải đến Phòng Đào Tạo đăng ký.**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | LỚP | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP | | | | | | | | | ĐIỂM TỔNG KẾT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | A | P | Q | H | L | M | I | G | F | | |
| | | | | | 10 | | 10 | | 10 | 15 | | | 55 | SỐ | CHỮ |
| 151 | **169321944** | Cao Thị Mỹ | Xuân | D16KDN3 | 8 | | 7 | | 8 | 9.5 | | | 8.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 152 | **169321945** | Trịnh Thị Thanh | Xuyên | D16KDN3 | 8 | | 8 | | 7 | 9.5 | | | 8.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 153 | **169321948** | TRần Thị Ngọc | yến | D16KDN3 | 8 | | 7.5 | | 8 | 9.5 | | | 8.5 | **8.5** | Tám phẩy Năm |
| 154 | **122521807** | Mai Xuân | Dũng | K13QNH6 | 9.5 | | 7 | | 6 | 7 | | | 6.5 | **6.9** | Sáu phẩy Chín |
| 155 | **132527093** | Lê Nhật | Tân | K13QNH6 | 7 | | 5 | | 6 | 7 | | | 6.0 | **6.2** | Sáu phẩy Hai |
| 156 | **122331368** | Nguyễn Uy | Vũ | K13QTH2 | 7 | | 6 | | 5 | 7.5 | | | 9.0 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 157 | **122331405** | Mai Thanh | Sang | K13QTH2 | 7 | | 5 | | 5 | 8 | | | 9.0 | **7.9** | Bảy phẩy Chín |
| 158 | **132335053** | Văn Thị Mỹ | An | K13QTH2 | 5 | | 5 | | 5 | 8 | | | 6.0 | **6.0** | Sáu |
| 159 | **132335185** | Nguyễn Ngọc | Sơn | K13QTH2 | 7 | | 5 | | 5 | 8 | | | 8.5 | **7.6** | Bảy phẩy Sáu |
| 160 | **132345390** | Trần Nguyễn Đông | Nghi | K13QTM1 | 8 | | 8 | | 9 | 8 | | | 8.0 | **8.1** | Tám phẩy Một |
| 161 | **142320647** | Đào Nguyễn Minh | Vũ | T14KDN3 | 7 | | 7 | | 6 | 7.5 | | | V | **V** | Vắng |